

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2022

THƯ MỜI

Kính gửi: ...*Các đơn vị tham gia chào giá*.....

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP (VINAFOR) có kế hoạch tổ chức may đồng phục cho CBNV, vậy trân trọng kính mời Quý Công ty tham dự báo giá gói công việc trên.

Quý Công ty có thể tìm hiểu thêm các thông tin cần thiết trong Hồ sơ yêu cầu báo giá kèm theo.

Thời gian và địa điểm nhận hồ sơ chào giá

Hồ sơ chào giá được dán niêm phong gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện về Văn phòng Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.

- Thời gian nhận hồ sơ chào giá: Trước 09h00 ngày 14/11/2022 tại Văn thư Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

- Địa chỉ: Tầng 15, Tòa Vinafor số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bất kỳ Hồ sơ chào giá nào mà Tổng công ty nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho Quý Công ty.

Mọi chi tiết xin liên hệ:

Văn Phòng Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP, Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinafor, Phố Lò Đúc, P. Đồng Mác, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Liên hệ: Bà Ngô Thị Thu Hiền - PCVP

- Điện thoại : 024-36410799 (ext: 131)
- Email : vanphong@vinafor.com.vn

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: *ky*

- Các đơn vị tham gia chào giá;
- Hội đồng quản trị (để b/c)
- Tổng giám đốc (để b/c);
- P. KTTC; KHĐT; PC&KSNB
- VP, Lưu VT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Ngô Thị Thúy Mai
Ngô Thị Thúy Mai

**HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ
MAY ĐỒNG PHỤC CHO CBNV VINAFOR NĂM 2022**

I. Hạng mục công việc và số lượng chi tiết:

TT	SẢN PHẨM	KIỂU DÁNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	ĐỒNG PHỤC CBNV NỮ			
1.1	Sơ mi nữ	Dài tay	Chiếc	220
1.2		Ngắn tay	Chiếc	180
1.3	Quần tây/váy nữ	LĐ/CBNV	Chiếc	100
		LĐ/CBNV	Chiếc	100
2	ĐỒNG PHỤC CBNV NAM			
2.1	Sơ mi nam	Dài tay	Chiếc	300
2.2		Ngắn tay	Chiếc	220
2.3	Quần tây nam	LĐ/ CBNV	Chiếc	290

II. Yêu cầu kiểu dáng: đảm bảo tính thẩm mỹ và chuyên nghiệp, khai thác triệt để các yếu tố nhận diện để quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Vinafor.

Thực hiện theo mẫu thiết kế hiện tại của Vinafor

(mẫu sản phẩm và thiết kế kèm theo hoặc tham khảo hồ sơ chào giá được đăng tải trên website tại địa chỉ: <http://vinafor.com.vn/tin-tuc.html>)

II. Yêu cầu quy cách sản xuất:

TT	NỘI DUNG	YÊU CẦU
1	YÊU CẦU CHUNG	
1.1	Nơi sản xuất và chỉnh sửa	Nơi sản xuất: Hà Nội và các tỉnh, thành lân cận (cách trung tâm Hà Nội không quá 300 km) Địa điểm chỉnh sửa: Hà Nội
1.2	Năng lực sản xuất	- Là đơn vị sản xuất trực tiếp hoặc Nhà phân phối chính thức của các đơn vị sản xuất trực tiếp. - Là đơn vị uy tín thuộc TOP những thương hiệu hàng đầu trong ngành về may mặc. Liệt kê các giải thưởng (nếu có).
1.3	Hình thức may đo	May đo trực tiếp theo số đo từng người (Không áp dụng phương pháp đo theo size)
1.4	Về yêu cầu vải	Họa tiết trên vải và màu sắc theo mẫu vải của Vinafor. Chất liệu bằng hoặc tốt hơn mẫu vải của các loại quần/váy, áo sơ mi kèm theo.
1.5	Thợ sản xuất	- Đội ngũ nhân sự lấy số đo trực tiếp tại Vinafor là nhân sự lành nghề, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm may đo sản xuất đồng phục (Có hợp đồng lao động kèm theo).

		- Tối thiểu có 100 công nhân lành nghề, có chứng chỉ nghề may (Có danh sách kèm theo)
1.6	Chất lượng đồng phục	Loại vải dùng để may có chất lượng tốt; giữ màu tốt, kiểu dáng, form áo đẹp; lối cắt may tỉ mỉ, kỹ thuật đường chỉ chính xác; cách phối màu, tạo điểm nhấn tinh tế.
1.7	Yêu tố thẩm mỹ	- Đảm bảo thực hiện đúng theo mẫu thiết kế Vinafor kèm theo. (mẫu sản phẩm và thiết kế kèm theo hoặc tham khảo hồ sơ chào giá được đăng tải trên website tại địa chỉ: http://vinafor.com.vn/tin-tuc.html)
1.8	Tính ứng dụng	Thể hiện sự thoải mái, tiện lợi trong khi mặc để làm việc
1.9	Yêu cầu thành phẩm	- Thành phẩm được đóng gói chuyên nghiệp, không có chỉ thừa, cụ thể: + Sản phẩm được là, gấp trong bao bì. + Gắn tên CBNV trên tất cả các sản phẩm - Thành phẩm đựng trong bao bì theo Nhận diện riêng của Vinafor kèm theo hướng dẫn sử dụng chi tiết.
2.	HỆ THỐNG DÂY CHUYỀN MÁY MÓC, THIẾT BỊ SẢN XUẤT	
2.1	Hệ thống áp dụng theo tiêu chuẩn quốc tế vào quản lý sản xuất	Có giấy chứng nhận đầy đủ ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, SA 8000:2014
2.2	Hệ thống dây chuyền sản xuất SOMI (Tối thiểu hoặc tương đương)	Dây chuyền sản xuất đầy đủ máy móc, thiết bị, đảm bảo tiêu chuẩn sản xuất quốc tế chất lượng cao, bao gồm: - Máy 1 kim điện tử - Máy 2 kim - Máy 4 kim - Máy cuốn ống - Máy đính bọ - Máy đính cúc - Máy thừa bằng - Máy vắt sô - Máy may nhãn - Máy lộn ép cổ - Máy lộn ép bác tay - Máy ép thép tay - Máy cắt tay - Máy cắt vòng - Máy là thân - Máy ép mex - Bàn hút - Máy trái vải - Máy khoan dầu - Máy xả vải - Bàn gấp áo

		<ul style="list-style-type: none"> - Máy ép vòng nách - Máy ép thân trước - Máy ép sườn bụng tay - Máy dò kim - Máy ép phom cổ
3	YÊU CẦU CHI TIẾT	
3.1	Áo sơ mi nam/nữ	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần nguyên liệu vải: <ul style="list-style-type: none"> Visco : 35 % Polyeste : 62 % Spandex : 3 % (Chi tiết các chỉ tiêu yêu cầu chất lượng vải theo Phụ lục 01 đính kèm) - Màu sắc: Xanh nhạt - Quy cách: <ul style="list-style-type: none"> + Sơ mi nam dài tay: Phối vải tại cổ áo và tay áo, Túi áo: chéo 2 góc ở dưới, Cổ tay cắt góc, Chiều dài bảc tay (măng séc) giảm xuống 6 cm. + Sơ mi nam cộc tay: Phối vải tại cổ áo, Túi áo: chéo 2 góc ở dưới, Chiều dài tay áo không quá ngắn, Viên tay áo không lơ vê. + Sơ mi nữ dài tay: Phối vải tại cổ áo và tay áo, Nẹp áo rời, Bảc tay nguyệt tròn, chiều dài bảc tay (măng séc) giảm xuống 5cm. + Sơ mi nữ ngắn tay: Phối vải tại cổ áo, Nẹp áo rời, Chiều dài tay áo không quá ngắn, Viên tay áo lơ vê gấp lên (Hình ảnh minh họa thiết kế Phụ lục 04 đính kèm)
3.2	Quần tây nam (mặc hàng ngày)	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần nguyên liệu vải: <ul style="list-style-type: none"> Len : 40 % Polyeste : 60 % (Chi tiết các chỉ tiêu yêu cầu chất lượng vải theo Phụ lục 02 đính kèm) - Màu sắc: Xanh đen - Quy cách: form cơ bản, túi hông, túi hậu (Hình ảnh minh họa thiết kế Phụ lục 04 đính kèm)
3.3	Quần tây nữ/ chân váy (mặc hàng ngày)	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần nguyên liệu vải: <ul style="list-style-type: none"> Polyeste : 80 % Visco : 15 % Spandex : 5 % (Chi tiết các chỉ tiêu yêu cầu chất lượng vải theo Phụ lục 03 đính kèm) - Màu sắc: Xanh đen - Quy cách quần tây nữ: chiều dài mắt cá chân, dáng đứng, ống hẹp vừa phải. - Quy cách chân váy: Form bút chì, ôm; chiều dài qua gối; có đường xẻ sau váy (may kỹ đường chỉ vết xẻ) (Hình ảnh minh họa thiết kế Phụ lục 04 đính kèm)

IV. Yêu cầu về Hồ sơ báo giá:

Hồ sơ báo giá phải được lập thành 01 bộ, đóng trong *phong bì có niêm phong* và phải được gửi tới đúng địa điểm trong thời gian quy định.

Hồ sơ kèm báo giá phải bao gồm và đáp ứng các yêu cầu sau:

1/ Bảng chào giá và tiến độ thực hiện hợp đồng chi tiết (có chữ ký của đại diện hợp pháp của đơn vị tham gia chào giá và đóng dấu); Giá chào phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có);

2/ Mẫu vải áo sơ mi, vải quần/váy mặc hàng ngày của nam/nữ theo đúng chất liệu yêu cầu kèm theo bản chính hoặc bản sao công chứng Phiếu báo kết quả thí nghiệm của Trung tâm thí nghiệm Dệt may trực thuộc Viện nghiên cứu Dệt may (*cho phép sai số trong sản xuất 6% đối với tất cả các tiêu chí nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng sản phẩm*).

3/ Một (01) bộ mẫu áo sơ mi nam/nữ + quần tây nam/nữ của Công ty đã sản xuất (*kèm bản sao hợp đồng đã thực hiện của mẫu đó*). (*Ghi chú: Trường hợp Quý đơn vị không được lựa chọn thì các sản phẩm mẫu sẽ được gửi trả lại Quý Công ty; Trường hợp Quý đơn vị được lựa chọn ký hợp đồng thì sản phẩm mẫu sẽ được giữ lại để làm căn cứ nghiệm thu sản phẩm hợp đồng*).

4/ Bản sao công chứng Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bản chứng thực (*Có lĩnh vực kinh doanh liên quan đến sản xuất và kinh doanh sản phẩm thời trang*), ít nhất 02 hợp đồng thiết kế và may đồng phục đã thực hiện (*Hợp đồng tối thiểu 1000 sản phẩm*).;

5/ Bản chính hoặc sao công chứng hợp đồng Phân phối chính thức (với đơn vị là Nhà phân phối chính thức cho đơn vị sản xuất);

6/ Bản sao công chứng giấy chứng nhận hệ thống tiêu chuẩn quốc tế áp dụng vào quản lý sản xuất tại xưởng sản xuất theo Yêu cầu của Hồ sơ chào giá này (ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, SA 8000:2014);

7/ Danh mục máy móc thiết bị của dây chuyền sản xuất Somi của nhà sản xuất hoặc nhà sản xuất của đơn vị phân phối.

8/ Danh sách đội ngũ nhân sự, công nhân lành nghề có Hợp đồng lao động với nhà sản xuất (*Kèm Bản sao Hợp đồng lao động của nhân sự lấy số đo trực tiếp tại Vinafor*);

9/ Bản sao các giải thưởng về thời trang Việt Nam của nhà sản xuất được tặng trong 10 năm trở lại đây (nếu có);

10/ Hiệu lực của Hồ sơ chào hàng tối thiểu **45 ngày** kể từ thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;

11/ Thời gian thực hiện hợp đồng: Giao hàng trong vòng **50 ngày** kể từ khi ký hợp đồng

**TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN**

PHỤ LỤC 01

I. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG VẢI ÁO SƠ MI

TT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	MÔ TẢ	
1	Thành phần nguyên liệu	ISO/TR 11827:2012 TCVN 5465-1:2009 TCVN 5465-2:2009 TCVN 5465-11:2009 TCVN 5465-12:2009	Visco: 35% Polyeste: 62% Spandex: 3%	
2	Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp)	Thay đổi màu	4-5	
			Diaxetat	4-5
			Bông	4-5
			Polyamit	4-5
			Polyeste	4-5
			Acrylic	4-5
			Len	4-5
3	Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô, 40°C (%)	Dọc	-1,0	
		Ngang	0	
4	Chỉ số sợi tách từ vải	Dọc (Ne)	37,8/1	
		Ngang (Ne)	44,2/1	
5	Khối lượng thực tế (g/m ²)	TCVN 8042:2009	152	
6	Độ bền	Dọc (N)	1056	
		Ngang (N)	616	
7	Mật độ	Dọc (sợi/10cm)	582	
		Ngang (sợi/10cm)	348	
8	Kiểu dệt	TCVN 4897:1989	Vân chéo 2/1	

PHỤ LỤC 02
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG VẢI QUẦN NAM

TT	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	MÔ TẢ	
1	Thành phần nguyên liệu	ISO/TR 11827:2012	Len: 40% Polyeste: 60%	
2	Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp)	Thay đổi màu		4-5
		Dây màu	Diaxetat	4-5
			Bông	4-5
			Polyamit	4-5
			Polyeste	4-5
			Acrylic	4-5
			Len	4-5
3	Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô, 40°C (%)	Dọc	-1,0	
		Ngang	-0,5	
4	Chỉ số sợi tách từ vải	Dọc (Ne)	51,1/2	
		Ngang (Ne)	31,0/1	
5	Khối lượng thực tế (g/m ²)	TCVN 8042:2009	212	
6	Độ bền	Dọc (N)	1175	
		Ngang (N)	626	
7	Mật độ	Dọc (sợi/10cm)	470	
		Ngang (sợi/10cm)	388	
8	Kiểu dệt	TCVN 4897:1989	Vân chéo biến đổi	

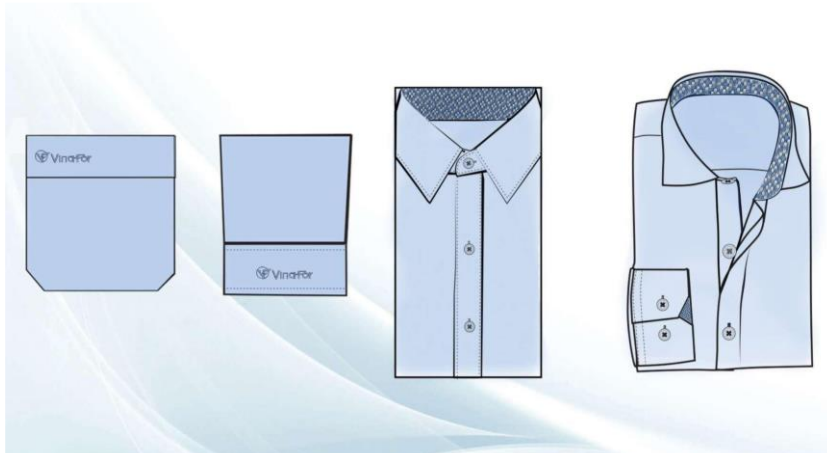
012
CÔNG TY
ÉT NÀM
HÀN
CƠ
TP. HÀ

PHỤ LỤC 03
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG VẢI QUẦN/VÁY NỮ

TT	CHỈ TIÊU		PHƯƠNG PHÁP THỬ	MÔ TẢ
1	Thành phần nguyên liệu		ISO/TR 11827:2012 TCVN 5465-2:2009	Polyeste: 80 % Visco: 15 % Spandex: 5%
2	Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp)	Thay đổi màu		4-5
		Dây màu	Diaxetat	4-5
			Bông	4-5
			Polyamit	4-5
			Polyeste	4-5
			Acrylic	4-5
			Len	4-5
3	Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô, 40°C (%)		Dọc	-0,5
			Ngang	0
4	Chỉ số sợi tách từ vải		Dọc (Ne)	28,3/1
			Ngang (Ne)	248,1
5	Độ bền		Dọc (N)	826
			Ngang (N)	1183
6	Mật độ		Dọc (sợi/10cm)	491
			Ngang (sợi/10cm)	363
7	Độ bền màu ma sát (cấp)	Khô	Dọc	4-5
			Ngang	4-5
		Ướt	Dọc	3-4
			Ngang	3-4
8	Kiểu dệt		TCVN 4897:1989	Vân chéo 2/2
9	Khối lượng thực tế (g/m ²)		TCVN 8042:2009	242
10	pH dịch chiết		TCVN 7422:2004	6,9
11	Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg)		TCVN 7421-1:2013	K.p.h.t
12	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg)		TCVN 7619-1:2007 TCVN 7619-2:2007	Kpht

PHỤ LỤC 04
THIẾT KẾ VÀ HÌNH ẢNH MINH HỌA ĐỒNG PHỤC

I.SƠ MI NAM



II.ÁO SƠ MI NỮ



III. QUẦN TÂY NAM



QUẦN TÂY NỮ



IV. CHÂN VÁY NỮ

